

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2016

1. Bối cảnh chung

Tình hình cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường thiết bị điện của các đối thủ cạnh tranh, đặc biệt là tình trạng hàng giả, hàng nhái sản phẩm VINAKIP tiếp tục gia tăng là trở ngại, thách thức đối với chiến lược hoạt động của Ban lãnh đạo Công ty trong năm 2016.

Tuy nhiên, hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty được duy trì ổn định, đảm bảo hoàn thành theo kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên giao, do có định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị, sự điều hành sâu sát của Ban điều hành và nỗ lực của toàn thể CBCNLD.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016

a) Các chỉ tiêu trọng yếu thực hiện trong năm 2016

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016		So sánh (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH 2016	TH 2016/TH 2015
1	Tổng doanh thu	Đồng	297.000.000.000	300.018.694.206	101	105,2
2	Lợi nhuận TT	Đồng	17.500.000.000	17.532.293.106	100,1	106,2
3	Tổng đầu tư (không gồm VAT)	Đồng	8.472.727.273	9.565.598.712	112,9	243
4	Thu nhập BQ	Đồng/ng/th		8.306.317		121,7

** Các chỉ tiêu tài chính khác: tham khảo tại Báo cáo tài chính năm 2016*

2. Kết quả thực hiện các mặt công tác khác

a) Công tác đầu tư

Năm 2016, VINAKIP đã thực hiện đầu tư với tổng giá trị là 9.565.598.712 đồng, tăng 12,9% so với kế hoạch. Trong đó, đầu tư mua sắm thiết bị, máy móc là 6.297.409.622 đồng, nhằm tăng năng suất lao động, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm trên thị trường; đầu tư cải tạo nhà xưởng sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc cho người



lao động, với số tiền là 3.268.189.090 đồng. Giá trị đầu tư tăng hơn so với kế hoạch là do có việc đầu tư bổ sung thiết bị theo nghị quyết của Hội đồng quản trị: máy ram nhiệt cho lò xo, hệ thống ta rô và máy đột dập tự động 45 tấn và khuôn ép nhựa mua ngoài.

b) Công tác kinh doanh - thị trường

Trước bối cảnh cạnh tranh quyết liệt, tình trạng hàng giả, hàng nhái VINAKIP có xu hướng xâm lấn mạnh mẽ trên thị trường thiết bị điện, trong năm qua VINAKIP tiếp tục đẩy mạnh các chính sách về thị trường, chú trọng đến công tác xây dựng và phát triển vùng thị trường. Năm 2016, Công ty đã phát triển thêm 3 Nhà phân phối. Các yêu cầu của khách hàng đều được giải quyết triệt để, tăng thêm niềm tin cho khách hàng. Sản phẩm đáp ứng tối đa theo yêu cầu của khách hàng, kể cả về số lượng và tiến độ. Trong đó, lượng tiêu thụ có sự gia tăng tốt ở một số nhóm sản phẩm cải tiến và nhóm sản phẩm cao cấp Gelex.

Trong năm, VINAKIP đã triển khai việc dán tem chống hàng giả (loại tem vỡ) trên các sản phẩm hay bị làm giả, làm nhái, như: Ổ cắm 2 ngả đa năng 10A, Ổ cắm 2 ngả đa năng K2, Ổ cắm 3 ngả Thái Lan kiểu 1 – 2 – 3, các loại Bảng điện, Phích cắm K4, ... nhằm bảo vệ tốt hơn thương hiệu VINAKIP, tạo niềm tin và đảm bảo quyền lợi cho khách hàng sử dụng sản phẩm VINAKIP.

d) Công tác tổ chức sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm

Công tác tổ chức sản xuất được triển khai hiệu quả, trên cơ sở khai thác tối đa các nguồn lực nội tại hiện có và tăng cường liên kết với các đơn vị lắp ráp và gia công chi tiết bên ngoài, nên đã đáp ứng đủ cho sản xuất, thỏa mãn yêu cầu của khách hàng tốt nhất.

Chất lượng sản phẩm tiếp tục đảm bảo tính ổn định và đáp ứng theo các yêu cầu của tiêu chuẩn. Mọi quá trình sản xuất đều được kiểm soát thông qua việc duy trì áp dụng hệ thống QLCL theo yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và hệ thống các quy chế quản trị nội bộ, hướng tới mục tiêu: kiểm soát - phòng ngừa và khắc phục triệt để các sai lỗi xảy ra trong toàn bộ quá trình hoạt động.

đ) Công tác nghiên cứu công nghệ; thiết kế và cải tiến sản phẩm

Hoạt động thiết kế, chế tạo sản phẩm trong năm 2016 có những chuyển biến tích cực, vì ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ theo hoạch định từ đầu năm, Công ty đã tập trung nghiên cứu thành công việc cải tiến công nghệ gia công chi tiết kim loại sang khuôn dập liên tục để giảm thời gian công nghệ cũng như nâng cao năng suất lao động, ổn định chất lượng sản phẩm. Cùng với việc thiết kế 27 sản phẩm mới và cải tiến 16 sản phẩm, năm 2016 VINAKIP còn chế tạo 02 máy ta-rô tự động, nhằm tự động hóa quá trình sản xuất, giảm nhân công lao động, góp phần gia tăng năng suất lao động.

e) Các mặt công tác khác:

Công tác tài chính kế toán được kiểm soát tốt, quản lý chặt chẽ các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất - kinh doanh, đảm bảo dư nợ khó đòi ở mức thấp.

Chấp hành nghiêm túc việc báo cáo, công bố thông tin theo quy định cho Sở Giao dịch Chứng khoán HN, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán VN, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về nghĩa vụ của công ty đại chúng có cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom, đảm bảo đầy đủ, đúng tiến độ, không bị nhắc nhở, xử lý.

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo luật định. Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển xếp từ thang bảng lương theo mức tiền lương cơ sở sang thang lương theo mức tiền lương tối thiểu vùng và được áp dụng từ ngày 01/01/2016 cho 100% người lao động trong Công ty.

Công ty vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất (lần 2) và đã tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương.

Các mặt công tác khác: Được Ban điều hành đã triển khai thực hiện tốt theo quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ và hệ thống các quy chế, quy định của Công ty, bảo đảm được quyền lợi hợp pháp, chính đáng đối với các cổ đông và người lao động trong Công ty.

PHẦN II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Trên cơ sở dự báo nền kinh tế VN trong năm 2017 và thực tế hoạt động sản xuất - kinh doanh tại Công ty, VINAKIP xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch và định hướng về các giải pháp thực hiện cho năm 2017 như sau:

1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	Tổng doanh thu	Đồng	315.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	15.000.000.000
4	Tỷ lệ trả cổ tức	%/VDL/năm	15%
5	Tổng mức đầu tư	Đồng	21.000.000.000

2. Các giải pháp thực hiện

a) Giải pháp về công tác sản xuất, đầu tư xây dựng cơ bản

- Thực hành tiết kiệm trong sản xuất và quản lý thông qua việc nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp kỹ thuật để tiết kiệm tối đa nguyên nhiên vật liệu.

- Tập trung sâu vào công tác nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến, nhằm khai thác nguồn lực hiện có và nâng cao hiệu quả sử dụng Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ.

- Tiếp tục duy trì, vận hành có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, nhằm thực hiện đúng cam kết về chất lượng sản phẩm, thỏa mãn tốt nhất yêu cầu khách hàng.

- Triển khai công tác đầu tư theo đúng định hướng của HĐQT, đảm bảo tính hiệu quả - kinh tế, thông qua việc gắn chặt trách nhiệm của bộ phận chức năng được giao thực thi công việc.

b) Giải pháp về công tác kinh doanh - thị trường

- Tiếp tục đẩy mạnh, phát triển các kênh phân phối tại các tỉnh, thành trên cả nước.
- Tăng cường hoạt động xây dựng chiến lược tiêu thụ, phát triển sản phẩm mới.
- Tập trung thực hiện công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm - thương hiệu VINAKIP.

c) Giải pháp về công tác quản lý tài chính

- Quản lý nguồn vốn chặt chẽ thông qua việc áp dụng các phương pháp giảm thiểu chi phí, nhằm tăng lợi nhuận; bảo toàn vốn và cân bằng quyền lợi giữa Công ty, cổ đông và người lao động.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát công nợ.

d) Giải pháp về công tác nhân sự

Nâng cao chất lượng công tác tự đào tạo, nhằm trang bị thêm kỹ năng - kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của công tác quản lý.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Ban TGD, HĐQT, Ban KS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

I. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

1. Hoạt động của HĐQT

- Năm 2016, HĐQT đã tiến hành 6 phiên họp trực tiếp, để giải quyết các vấn đề liên quan đến tổ chức hoạt động và triển khai các nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã thông qua cũng như các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trong đó, HĐQT đã ban hành 6 Nghị quyết, 2 quyết định, tập trung vào công tác tổ chức sản xuất - kinh doanh, chính sách tiền lương, bổ nhiệm cán bộ và công tác đầu tư.

- Các cuộc họp HĐQT được thực hiện dân chủ, thẳng thắn và có Biên bản, Nghị quyết sau phiên họp. Những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền HĐQT theo quy định của Điều lệ đều được Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc báo cáo HĐQT để xem xét và quyết định.

2.. Kết quả hoạt động

a) Công tác tổ chức bộ máy điều hành Công ty

Năm 2016, trên cơ sở đề xuất của Ban điều hành, nhằm đáp ứng tốt hơn cho công tác quản lý điều hành tại Công ty, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm 2 cán bộ: 1 Kế toán trưởng, 1 Phó Tổng giám đốc. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã xem xét, nhất trí để Tổng giám đốc bổ nhiệm 3 cán bộ cấp Trưởng đơn vị (gồm Giám đốc Xưởng 1, Giám đốc Xưởng 2 và Trưởng phòng KHSX).

b) Công tác chỉ đạo, giám sát Ban điều hành

Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT luôn theo dõi tình hình hoạt động của Công ty; thường xuyên giám sát chặt chẽ đối với Ban Tổng giám đốc, thông qua việc kiểm điểm, đánh giá và có Nghị quyết chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh, để đạt được hiệu quả ở mức cao nhất.

- Kết quả sản xuất kinh doanh:

Với sự nỗ lực cố gắng của Ban điều hành, các chỉ tiêu trọng yếu trong năm 2016 đã thực hiện hoàn thành theo kế hoạch và đạt mức tăng trưởng so với năm 2015. Hoạt động sản xuất - kinh doanh, việc làm của người lao động được duy trì ổn định. Thị trường tiêu thụ đối với hàng VINAKIP đã được giữ vững và được mở rộng trong phạm vi cả nước.

(Về số liệu cụ thể các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2016: được thể hiện trong Báo cáo của Ban điều hành và Báo cáo tài chính năm 2016)



- Công tác đầu tư, nghiên cứu khoa học kỹ thuật

Năm 2016, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai công tác đầu tư với tổng giá trị là 9.565.598.712 đồng, bảo đảm đầu tư đúng hướng, đáp ứng thiết thực cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty. Hoạt động đầu tư trong năm tập trung chủ yếu vào các thiết bị cho năng suất lao động cao và cải tạo nhà xưởng sản xuất để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

Công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật tiếp tục được Công ty tập trung chỉ đạo, đề ra đời các sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến và thực hiện chuyển đổi công nghệ sản xuất mới, nhằm tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, thúc đẩy lượng tiêu thụ sản phẩm, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm trên thị trường. Điển hình như việc thiết kế, gia công chế tạo và đưa vào sử dụng 02 máy ta- rô tự động cho các chi tiết cực đầu dây Ó cắm đơn 6A và Giá bắt dây Ó cắm đơn 2 ngã đa năng 10A, để cơ khí hóa, tự động hóa quá trình sản xuất.

- Công tác quản lý và sử dụng vốn, tài sản

HĐQT đã chỉ đạo, giám sát chặt chẽ Ban điều hành trong việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản để phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm và phát triển được nguồn vốn của cổ đông. Tình hình tài chính lành mạnh, cơ cấu vốn và tài sản hợp lý; có tiềm năng phát triển bền vững.

Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện trách nhiệm lập Báo cáo tài chính năm và thuế đơn vị kiểm toán đã được ĐHĐCĐ thông qua theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.

(Số liệu cụ thể: phân ánh trong Báo cáo tài chính năm 2016)

- Công tác quản lý cổ đông

Công tác quản lý cổ đông được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 14/3/2017, Công ty có 151 cổ đông hiện hữu, nắm giữ 4.560.000 cổ phần, trong đó gồm 2 cổ đông pháp nhân; cổ đông nắm giữ từ 5% tổng vốn điều lệ trở lên có 1 cổ đông là Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (nắm giữ 2.245.345 cổ phần, chiếm 49,24% tổng vốn điều lệ của Công ty).

- Các mặt công tác khác: quản lý lao động, tiền lương, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp - phòng chống cháy nổ đều được HĐQT chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện tốt, đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, BIỆN PHÁP HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Mục tiêu của Công ty trong năm 2017 là tiếp tục duy trì sự ổn định, đạt mức tăng trưởng so với kết quả thực hiện của năm 2016.

Để bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững cho Công ty, HĐQT đề ra các chỉ tiêu kế hoạch và phương hướng, biện pháp hoạt động cho năm 2017 như sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2017

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	Tổng doanh thu	Đồng	315.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	15.000.000.000
3	Tỷ lệ trả cổ tức	%/VDL/năm	15%
4	Tổng mức đầu tư	Đồng	21.000.000.000

2. Phương hướng, biện pháp hoạt động

a) Tăng cường công tác chỉ đạo việc thực hiện hoạt động sản xuất - kinh doanh, đồng thời giám sát chặt chẽ, hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ; các nghị quyết và quyết định của HĐQT.

d) Triển khai có hiệu quả công tác đầu tư ngay sau khi phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ được phê duyệt.

đ) Có chiến lược quảng bá, truyền thông thương hiệu VINAKIP để mở rộng, phát triển thị phần tiêu thụ sản phẩm VINAKIP.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban TGD, HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

Căn cứ :

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 quy định về quản trị công ty;
- Chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khí cụ điện 1;
- Báo cáo tài chính và tình hình thực tế hoạt động của Công ty cổ phần Khí cụ điện 1;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khí cụ điện 1 báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về các mặt hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khí cụ điện 1 gồm 03 thành viên, đều làm việc kiêm nhiệm. Các thành viên ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khí cụ điện 1.

Năm 2016, thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khí cụ điện 1, Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ hàng quý dưới các hình thức tập trung tiến hành kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý và điều hành Công ty.
- Kiểm tra trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý và báo cáo tài chính năm.

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty.

Năm 2016, Ban Kiểm soát không nhận được kiến nghị hay khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty.

II. VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2016 sản phẩm VINAKIP chịu sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường về chất



lượng và giá bán. Nhưng với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự chủ động, nhanh nhạy, nắm bắt kịp thời cơ hội thị trường của ban điều hành, tổ chức sản xuất kinh doanh trong năm hợp lý, đảm bảo đáp ứng yêu cầu khách hàng.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty đạt cao hơn so với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra, số liệu tổng hợp như sau:

Đơn vị tính: đồng

T	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5=4/3
1	Tổng doanh thu	297.000.000.000	300.018.694.206	101
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	17.500.000.000	17.532.293.106	100,1
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.000.000.000	14.002.771.654	100
	- Tỷ lệ % cổ tức/vốn điều lệ/năm	20%	20%	100
4	Thu nhập BQ (đ/người/tháng)		8.306.317	
5	Lãi cơ bản/ cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	3.070	3.116	
6	Tổng đầu tư XD CB (Không VAT)	8.472.727.272	9.565.598.712	112,9

II. VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Qua kiểm tra, thẩm định của Ban Kiểm soát cũng như kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016, Ban Kiểm soát đánh giá tình hình tài chính Công ty lành mạnh, vốn sản xuất kinh doanh được bảo toàn và phát triển, đảm bảo tỷ lệ cổ tức.

Chế độ quản lý tài chính phù hợp với quy định hiện hành. Các chỉ tiêu cơ bản tổng hợp như sau:

Chỉ tiêu	Số đầu năm (đồng)	Số cuối năm (đồng)
I. Tổng tài sản	124.850.144.690	125.884.587.833
1. Tài sản ngắn hạn	98.496.391.881	95.157.391.862
2. Tài sản dài hạn	26.353.752.809	30.727.195.971
II. Tổng nguồn vốn	124.850.144.690	125.884.587.833
1. Nợ phải trả	45.104.699.732	25.342.451.221
2. Vốn chủ sở hữu	79.745.444.958	100.542.136.612
<i>Tr.đú: - Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>34.000.000.000</i>	<i>45.600.000.000</i>
<i>- Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>12.700.000.000</i>	<i>14.944.000.000</i>
<i>- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>33.045.444.958</i>	<i>39.998.136.612</i>

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

1. Công tác quản lý của Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT Công ty gồm 05 thành viên, trong đó có 3 thành viên trực tiếp tham gia

điều hành Công ty.

Trong năm 2016, HĐQT đã ban hành 06 Nghị quyết và 02 Quyết định. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành một cách kịp thời, hợp lệ, đúng thẩm quyền; tập trung vào công tác đầu tư, cơ cấu quản lý tài chính, công tác cán bộ ...;

HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện tốt chức năng quản trị, đảm bảo vai trò định hướng phát triển cho Công ty.

Phê duyệt và thông qua Báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc (BTGD)

Năm 2016, Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết của ĐHĐCĐ; thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành; cải tiến kỹ thuật công nghệ, phát triển sản phẩm mới, nghiên cứu thay thế một số loại nguyên vật liệu, nhằm giảm thiểu chi phí, hạ giá thành sản phẩm,...

BTGD đã điều hành Công ty đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn. Hoạt động của BTGD đúng nguyên tắc và đã mang lại hiệu quả.

2.1 Công tác sản xuất kinh doanh

Năm 2016 với định hướng chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty, bằng sự nỗ lực của toàn bộ CBCNV đã hoàn thành các chỉ tiêu về sản xuất, kinh doanh. Cụ thể:

- Tổng doanh thu: 300.018.694.206 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 17.532.293.106 đồng
- Thu nhập BQ (đ/người/tháng): 8.306.317 đồng

Các nhu cầu hàng đột xuất của Công ty đáp ứng đúng tiến độ, các loại sản phẩm tiêu thụ lớn đáp ứng kịp thời, chất lượng đảm bảo. Sự phối hợp tốt giữa các đơn vị trong toàn công ty có nhiều cải thiện và có hiệu quả rõ rệt.

2.2 Công tác đầu tư

Do đặc thù cạnh tranh và mức tiêu thụ nhóm ổ cắm, phích cắm và nhóm hàng GELEX được nâng cao, Công ty đã tập trung đầu tư thiết bị máy móc phục vụ cho sản xuất để đáp ứng kịp thời về số lượng tiêu thụ lớn và tiến độ giao hàng. Các thủ tục đầu tư được thực hiện đầy đủ, tuân thủ quy định hiện hành về quản lý đầu tư đem lại hiệu quả cao.

- Tổng giá trị là : 9.565.598.712 đồng, trong đó:
- Nhà cửa vật kiến trúc : 3.268.189.090 đồng
- Máy móc thiết bị : 6.297.409.622 đồng

2.3 Công tác khoa học kỹ thuật

Ban tổng giám đốc chỉ đạo tập trung vào các khâu cải tiến công nghệ gia công chi tiết kim loại sang khuôn dập liên tục, giảm thời gian công nghệ, nâng cao năng suất lao động, chất lượng được đảm bảo, ổn định. Công ty chế tạo thành công 02 máy ta rô tự động góp phần giảm tải cho lượng lao động tại các bộ phận gia công.

2.4 Công tác thị trường

Tiếp tục duy trì và phát triển nhà phân phối, tổ chức tốt hệ thống chăm sóc khách hàng, phát triển thị trường, các chi nhánh hoạt động đạt mức tăng trưởng doanh thu.

2.5 Công tác quản lý, sử dụng vốn kinh doanh

Được giám sát chặt chẽ, quản lý sử dụng hiệu quả, thực hiện tiết giảm chi phí quản lý, chi phí bán hàng, đôn đốc thu hồi các khoản nợ, không để nợ quá hạn góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

2.6 Công tác vận hành hệ thống QLCL, QLMT và các mặt công tác khác

Năm 2016 Ban điều hành triển khai và duy trì vận hành theo đúng các quy trình của hệ thống, đảm bảo tuân thủ đúng yêu cầu pháp luật. Các mặt công tác chế độ chính sách, thi đua khen thưởng được ban hành triển khai đúng luật định và quy chế Công ty, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

IV. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2016, Ban Kiểm soát đã thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định trong Điều lệ Công ty cổ phần Khí cụ điện 1. Kết quả giám sát hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty đều được báo cáo với HĐQT.

Trưởng Ban Kiểm soát được tham gia cuộc họp của Hội đồng quản trị theo yêu cầu. Thành viên Ban Kiểm soát được Ban quản lý, điều hành Công ty hỗ trợ, tạo điều kiện tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan trong quá trình hoạt động và thực thi nhiệm vụ.

Thù lao của thành viên Ban kiểm soát nhận được trong năm 2016 tổng số là 72.000.000 đồng.

Báo cáo này đã được thông qua các thành viên Ban Kiểm soát và HĐQT Công ty. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông và trân trọng tiếp thu ý kiến đóng góp của các cổ đông./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS;
- Lưu.VT.



NỘI DUNG

1. Mục lục	1
2. Báo cáo tài chính	2
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	3
4. Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu	4
5. Báo cáo biến động nợ phải trả	5
6. Báo cáo thu nhập	6
7. Báo cáo chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	7
8. Báo cáo lợi nhuận gộp	8
9. Báo cáo lợi nhuận sau thuế	9
10. Báo cáo thu nhập sau thuế	10
11. Báo cáo chi phí tài chính	11

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN I

Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 -05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-29
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-29



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khí cụ điện I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khí cụ điện I là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 0500447942, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phùng Đệ	Chủ tịch
Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên
Ông Hoàng Đình Phẩm	Thành viên
Ông Lê Xuân Thành	Thành viên
Ông Tạ Trung Hiếu	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phùng Đệ	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Xuân Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đăng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/11/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trương Thị Thu Cúc	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thanh	Thành viên
Bà Bùi Thị Mỹ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Số: 480 /2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khí cụ điện I được lập ngày 03 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		95.157.391.862	98.496.391.881
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.242.364.728	27.874.231.917
111	1. Tiền		7.019.909.173	17.079.197.043
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.222.455.555	10.795.034.874
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	31.554.859.858	31.132.888.889
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		31.554.859.858	31.132.888.889
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		13.404.918.192	5.863.186.233
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	10.256.512.094	4.719.215.649
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.964.187.744	1.005.360.080
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	377.251.000	308.402.700
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	75.000.000	98.240.450
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(268.032.646)	(268.032.646)
140	IV. Hàng tồn kho	10	27.955.249.084	33.365.175.116
141	1. Hàng tồn kho		27.955.249.084	33.365.175.116
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	260.909.726
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	260.909.726
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		30.727.195.971	26.353.752.809
220	II. Tài sản cố định		29.995.906.285	25.267.452.332
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	25.658.306.285	20.929.852.332
222	- Nguyên giá		87.239.701.961	77.790.103.249
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(61.581.395.676)	(56.860.250.917)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.337.600.000	4.337.600.000
228	- Nguyên giá		4.337.600.000	4.337.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	100.000.000	100.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		100.000.000	100.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		631.289.686	986.300.477
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	631.289.686	986.300.477
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		125.884.587.833	124.850.144.690

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		25.342.451.221	45.104.699.732
310	I. Nợ ngắn hạn		22.703.939.316	43.004.699.732
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	16.797.680.701	18.865.907.276
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		247.714.233	193.566.550
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	517.102.593	868.015.328
314	4. Phải trả người lao động		2.129.785.529	3.543.767.940
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	316.353.467	14.359.410.191
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.695.302.793	5.174.032.447
330	II. Nợ dài hạn		2.638.511.905	2.100.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	2.150.000.000	2.100.000.000
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		488.511.905	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		100.542.136.612	79.745.444.958
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	100.542.136.612	79.745.444.958
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		45.600.000.000	34.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		45.600.000.000	34.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14.944.000.000	12.700.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		23.287.404.209	21.087.404.209
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.710.732.403	11.958.040.749
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.707.960.749	2.633.446.265
421b	LNST chưa phân phối năm nay		14.002.771.654	9.324.594.484
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		125.884.587.833	124.850.144.690

[Signature]

[Signature]



Phan Thị Thu
 Người lập

Phan Thị Thúy
 Kế toán trưởng

Phùng Đệ
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	300.018.694.206	285.286.602.189
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		300.018.694.206	285.286.602.189
11	4. Giá vốn hàng bán	19	271.771.166.538	259.651.412.216
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.247.527.668	25.635.189.973
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	2.744.995.865	2.522.595.165
22	7. Chi phí tài chính	21	165.057.000	419.894.692
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		165.057.000	419.894.692
25	8. Chi phí bán hàng	22	6.650.911.696	5.686.072.666
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	6.781.623.276	4.722.150.692
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.394.931.561	17.329.667.088
31	11. Thu nhập khác	24	137.361.545	-
32	12. Chi phí khác		-	820.756.730
40	13. Lợi nhuận khác		137.361.545	(820.756.730)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.532.293.106	16.508.910.358
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	3.529.521.452	3.854.395.874
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>14.002.771.654</u>	<u>12.654.514.484</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	3.116	3.722

[Signature]

[Signature]



Phan Thị Thư
 Người lập

Phan Thị Thúy
 Kế toán trưởng

Phùng Đệ
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		249.268.868.838	240.974.500.090
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(175.398.980.694)	(167.732.097.634)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(40.067.434.666)	(37.822.804.379)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(165.057.000)	(419.894.692)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.863.431.457)	(4.421.948.481)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.359.035.129	1.105.484.255
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26.017.456.132)	(10.004.821.211)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>5.115.544.018</i>	<i>21.678.417.948</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.565.598.712)	(3.936.188.535)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		34.090.909	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(24.521.970.969)	(31.132.888.889)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		24.031.151.700	149.321.776
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.744.995.865	2.522.595.165
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(7.277.331.207)</i>	<i>(32.397.160.483)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	13.920.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(5.735.350.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.470.080.000)	(6.800.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(3.470.080.000)</i>	<i>1.384.650.000</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>(5.631.867.189)</i>	<i>(9.334.092.535)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		27.874.231.917	37.208.324.452
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>22.242.364.728</u>	<u>27.874.231.917</u>

Ph

Thuy



Phan Thị Thư
Người lập

Phan Thị Thúy
Kế toán trưởng

Phùng Đệ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khí cụ điện I là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 0500447942, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 45.600.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 45.600.000.000 đồng; tương đương 4.560.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh các thiết bị đóng cắt, điều khiển, chiếu sáng và bảo vệ dòng điện cao áp, trung áp và hạ áp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất, kinh doanh các thiết bị đóng cắt, điều khiển, chiếu sáng và bảo vệ dòng điện cao áp, trung áp và hạ áp;
- Lắp đặt các thiết bị đường dây điện đến 35KV;
- Thi công xây lắp cơ sở hạ tầng;
- Xuất nhập khẩu vật liệu điện và thiết bị điện;
- Kinh doanh các loại vật tư, vật liệu điện và thiết bị phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn;
- Kinh doanh bất động sản.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Địa chỉ	
Chi nhánh Hà Nội	Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Buôn Ma Thuột	Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Đà Nẵng	Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính của các chi nhánh là kinh doanh, phân phối các sản phẩm thiết bị điện của Công ty.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

05 - C
TY
HỮU H
M TOA
SC
1 - TP

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Giá trị sản phẩm dở dang cuối năm được xác định theo đơn giá thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành. Trong đó số lượng sản phẩm chưa hoàn thành được xác định theo kết quả kiểm kê thực tế.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất không trích khấu hao	

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

310011
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
AA
AN KIỂM

2.12 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



2.15 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	63.106.009	109.806.457
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.956.803.164	16.969.390.586
Các khoản tương đương tiền (*)	15.222.455.555	10.795.034.874
	22.242.364.728	27.874.231.917

(*) Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 15.222.455.555 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,8%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại 31/12/2016, các khoản đầu tư ngắn hạn là các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 31.554.859.858 VND và tại ngày 01/01/2016 có giá trị 31.132.888.889 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với lãi suất từ 5,3 %/năm đến 6 %/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	100.000.000	-	100.000.000	-
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	100.000.000	-	100.000.000	-
	<u>100.000.000</u>	<u>-</u>	<u>100.000.000</u>	<u>-</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

a) Toàn bộ các khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2016 là phải thu ngắn hạn từ hoạt động kinh doanh hàng hóa của Công ty, bao gồm các khoản công nợ nhỏ, lẻ, không có các khoản công nợ khách hàng có số dư lớn chiếm tỷ trọng trên 10%.

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>7.700.000</u>	<u>-</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.		

6 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần thiết bị điện Á Âu	2.839.418.494	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	124.769.250	-	1.005.360.080	-
	<u>2.964.187.744</u>	<u>-</u>	<u>1.005.360.080</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Các khoản cho vay ngắn hạn khác	377.251.000	308.402.700
	377.251.000	308.402.700

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

Hợp đồng cho các cá nhân, tổ chức vay ngắn hạn với lãi suất bằng lãi suất từ 8% / năm, thời hạn của hợp đồng theo từng lần gia hạn cụ thể.

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	53.000.000	-	77.000.000	-
Phải thu khác	22.000.000	-	21.240.450	-
	75.000.000	-	98.240.450	-

9 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán	268.032.646	-	268.032.646	-
	268.032.646	-	268.032.646	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.846.875.090	-	8.049.790.856	-
Công cụ, dụng cụ	243.324.051	-	385.623.588	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.680.150.320	-	2.350.234.890	-
Thành phẩm	10.158.478.719	-	16.760.781.988	-
Hàng gửi đi bán	4.026.420.904	-	5.818.743.794	-
	27.955.249.084	-	33.365.175.116	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN I

Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	21.012.947.038	48.889.536.039	6.977.393.735	910.226.437	77.790.103.249
- Mua trong năm	3.268.189.090	6.297.409.622	-	-	9.565.598.712
- Thanh lý, nhượng bán	-	(116.000.000)	-	-	(116.000.000)
Số dư cuối năm	24.281.136.128	55.070.945.661	6.977.393.735	910.226.437	87.239.701.961
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	14.600.692.362	36.391.822.054	5.151.995.064	715.741.437	56.860.250.917
- Khấu hao trong năm	931.929.805	3.211.313.660	629.072.962	64.828.332	4.837.144.759
- Thanh lý, nhượng bán	-	(116.000.000)	-	-	(116.000.000)
Số dư cuối năm	15.532.622.167	39.487.135.714	5.781.068.026	780.569.769	61.581.395.676
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	6.412.254.676	12.497.713.985	1.825.398.671	194.485.000	20.929.852.332
Tại ngày cuối năm	8.748.513.961	15.583.809.947	1.196.325.709	129.656.668	25.658.306.285

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 38.369.028.591 VND

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và Tổ 4 Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh được sử dụng làm chi nhánh của Công ty.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	631.289.686	986.300.477
	<u><u>631.289.686</u></u>	<u><u>986.300.477</u></u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

- a) Toàn bộ các khoản phải trả người bán tại thời điểm 31/12/2016 là phải trả các nhà cung cấp vật tư, hàng hóa theo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm các khoản công nợ nhỏ, lẻ, không có các khoản công nợ có số dư lớn chiếm tỷ trọng trên 10%.

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả</u>
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.)	762.951.640	762.951.640	326.845.200	326.845.200

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN I

Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	7.778.960.975	7.704.405.155	-	74.555.820
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	776.456.778	3.529.521.452	3.863.431.457	-	442.546.773
Thuế Thu nhập cá nhân	-	91.558.550	123.078.382	214.636.932	-	-
Các loại thuế khác	-	-	697.253.800	697.253.800	-	-
	-	868.015.328	12.128.814.609	12.479.727.344	-	517.102.593

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	132.697.456	303.610.236
- Bảo hiểm xã hội	73.406.873	25.550.817
- Bảo hiểm y tế	58.696.010	58.696.010
- Bảo hiểm thất nghiệp	51.553.128	51.553.128
- Tiền thu từ việc phát hành cổ phiếu	-	13.920.000.000
	316.353.467	14.359.410.191
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.150.000.000	2.100.000.000
	2.150.000.000	2.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN I

Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	34.000.000.000	12.700.000.000	19.087.404.209	11.116.526.265	76.903.930.474
Lãi trong năm trước	-	-	-	12.654.514.484	12.654.514.484
Phân phối lợi nhuận năm 2014	-	-	2.000.000.000	(8.483.080.000)	(6.483.080.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2015	-	-	-	(3.329.920.000)	(3.329.920.000)
Số dư cuối năm trước	34.000.000.000	12.700.000.000	21.087.404.209	11.958.040.749	79.745.444.958
Số dư đầu năm nay	34.000.000.000	12.700.000.000	21.087.404.209	11.958.040.749	79.745.444.958
Tăng vốn trong năm nay	11.600.000.000	2.244.000.000	-	-	13.844.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	14.002.771.654	14.002.771.654
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.200.000.000	(9.250.080.000)	(7.050.080.000)
Số dư cuối năm nay	45.600.000.000	14.944.000.000	23.287.404.209	16.710.732.403	100.542.136.612

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 156 /NQ - ĐHCĐ ngày 02 tháng 03 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Số tiền
	VND
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2014	2.633.446.265
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015	12.654.514.484
Trích Quỹ đầu tư phát triển	2.200.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.200.000.000
Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	380.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 20 % vốn điều lệ)	6.800.000.000
<i>Trong đó số đã tăng trong năm 2015 là 3.329.920.000 đồng</i>	
Lợi nhuận chưa phân phối	2.707.960.749

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	49,24%	22.453.450.000	51,03%	17.350.400.000
Các cổ đông khác	50,76%	23.146.550.000	48,97%	16.649.600.000
	100%	45.600.000.000	100%	34.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.600.000.000	34.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	34.000.000.000	34.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	11.600.000.000	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	45.600.000.000	34.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.470.080.000	6.800.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	3.470.080.000	3.470.080.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	3.329.920.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.560.000	3.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.560.000	3.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.560.000	3.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.560.000	3.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.560.000	3.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.287.404.209	21.087.404.209
	23.287.404.209	21.087.404.209

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	288.710.624.277	270.662.350.568
Doanh thu bán hàng hóa	11.308.069.929	14.624.251.621
	300.018.694.206	285.286.602.189
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.)	456.762.757	441.801.315

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	260.664.778.369	245.534.682.275
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.106.388.169	14.116.729.941
	271.771.166.538	259.651.412.216

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.729.995.865	2.512.595.165
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.000.000	10.000.000
	2.744.995.865	2.522.595.165

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	165.057.000	419.894.692
	165.057.000	419.894.692

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.167.541.667	624.677.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	564.713.098	589.450.265
Chi phí khác bằng tiền	3.918.656.931	4.471.944.480
	6.650.911.696	5.686.072.666

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.015.511.832	703.703.318
Chi phí khấu hao tài sản cố định	414.284.410	383.423.090
Thuế, phí, lệ phí	697.253.800	455.760.800
Chi phí khác bằng tiền	2.654.573.234	3.179.263.484
	6.781.623.276	4.722.150.692

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán vật tư, thanh lý tài sản cố định	137.361.545	-
	137.361.545	-

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.532.293.106	16.508.910.358
Các khoản điều chỉnh tăng	130.314.156	1.021.070.886
- Khấu hao xe ô tô	130.314.156	130.314.156
- Chi phí không hợp lệ	-	890.756.730
Các khoản điều chỉnh giảm	(15.000.000)	(10.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(15.000.000)	(10.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	17.647.607.262	17.519.981.244
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.529.521.452	3.854.395.874
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	680.794.455
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	776.456.778	663.214.930
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.863.431.457)	(4.421.948.481)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	442.546.773	776.456.778

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	14.002.771.654	12.654.514.484
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.002.771.654	12.654.514.484
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.493.260	3.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.116	3.722

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	202.408.751.780	189.791.265.117
Chi phí nhân công	43.642.412.615	40.706.929.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.835.656.664	5.511.684.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.933.459.551	3.363.726.216
Chi phí khác bằng tiền	7.695.354.975	11.226.226.910
	264.515.635.585	250.599.831.478

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.242.364.728	-	27.874.231.917	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.331.512.094	(268.032.646)	4.817.456.099	(268.032.646)
Các khoản cho vay	31.932.110.858	-	31.441.291.589	-
Đầu tư dài hạn	100.000.000	-	100.000.000	-
	64.605.987.680	(268.032.646)	64.232.979.605	(268.032.646)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			19.264.034.168	35.325.317.467
			19.264.034.168	35.325.317.467

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.242.364.728	-	-	22.242.364.728
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.063.479.448	-	-	10.063.479.448
Các khoản cho vay	31.932.110.858	-	-	31.932.110.858
Đầu tư dài hạn	-	100.000.000	-	100.000.000
	64.237.955.034	100.000.000	-	64.337.955.034

Tại ngày 01/01/2016

Tiền và các khoản trương đương tiền	27.874.231.917	-	-	27.874.231.917
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.549.423.453	-	-	4.549.423.453
Các khoản cho vay	31.441.291.589	-	-	31.441.291.589
Đầu tư dài hạn	-	100.000.000	-	100.000.000
	63.864.946.959	100.000.000	-	63.964.946.959

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	17.114.034.168	2.150.000.000	-	19.264.034.168
	17.114.034.168	2.150.000.000	-	19.264.034.168
Tại ngày 01/01/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	33.225.317.467	2.100.000.000	-	35.325.317.467
	33.225.317.467	2.100.000.000	-	35.325.317.467

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là hoạt động sản xuất thiết bị điện. Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

105-
3 TY
HỮU H
M TỎA
3C
TP. H

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu		456.762.757	441.801.315
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	-	4.999.200
Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội	(*)	49.908.400	402.074.840
Công ty CP Sản xuất thương Mại EMIC	(*)	387.615.000	34.727.275
Công ty CP đầu tư xây dựng GELEX	(*)	19.239.357	-
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		2.817.949.400	2.396.464.420
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	2.045.319.000	2.369.314.500
Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội	(*)	-	27.149.920
Công ty TNHH MTV Thiết bị Đo điện	(*)	772.630.400	-
Lãi cho vay vốn		-	253.683.692
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	-	253.683.692

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		7.700.000	-
Công ty CP Sản xuất thương Mại EMIC	(*)	7.700.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn		762.951.640	326.845.200
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	-	326.845.200
Công ty TNHH MTV Thiết bị Đo điện	(*)	762.951.640	-

(*) Đơn vị thành viên của Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.115.571.172	870.239.206

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Phan Thị Thu
Người lập

Phan Thị Thúy
Kế toán trưởng



Phùng Đệ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CP KHÍ CỤ ĐIỆN 1

Số: 56 /TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Tây, ngày 22 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2016

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Khí cụ điện 1

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Khí cụ điện 1 được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 02/3/2016;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty cổ phần Khí cụ điện 1 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC),

Hội đồng quản trị Công ty xin trình Đại hội đồng cổ đông năm 2017 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Giá trị	Ghi chú
I	Lợi nhuận năm 2015 để lại	2.707.960.749	
II	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016	14.002.771.654	
III	Tổng lợi nhuận (I + II)	16.710.732.403	
IV	Tổng lợi nhuận phân phối	14.710.732.403	
	<i>Trong đó:</i>		
1	Chi trả cổ tức 20%	9.120.000.000	
2	Quỹ Khen thưởng	1.800.000.000	
3	Quỹ Phúc lợi	1.370.732.403	
4	Quỹ Đầu tư phát triển	2.000.000.000	
5	Quỹ Thưởng ban quản lý điều hành	420.000.000	<i>Chiếm 3% tổng lợi nhuận sau thuế 2016</i>
V	Lợi nhuận còn lại (III - IV)	2.000.000.000	

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phùng Đệ

Sơn Tây, ngày 22 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

**Về một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2017
và lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2017**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Khí cụ điện 1

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Khí cụ điện 1 được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 02/3/2016;

Căn cứ kết quả sản xuất - kinh doanh và hiệu quả tài chính của Công ty đạt được trong năm 2016;

Căn cứ tình hình thực tế sản xuất - kinh doanh của Công ty năm 2017;

Hội đồng quản trị Công ty xin trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2017 và lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2017 như sau:

1. Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2017

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
I	Về sản xuất - kinh doanh		
1	Tổng doanh thu	Đồng	315.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	15.000.000.000
3	Tỷ lệ trả cổ tức	%/VĐL/năm	15%
4	Tổng mức đầu tư	Đồng	21.000.000.000
II	Về thù lao HĐQT, BKS và quỹ thưởng Ban điều hành		
1	Thù lao HĐQT, BKS	Đồng	360.000.000
2	Quỹ thưởng Ban điều hành		4% lợi nhuận sau thuế

2. Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2017

Tên công ty kiểm toán: Công ty TNHH Hãng kiểm toán (AASC)

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY
CỔ PHẦN
KHÍ CỤ ĐIỆN 1

Phùng Đệ

CÔNG TY CP KHÍ CỤ ĐIỆN 1

Số: 59./TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Sơn Tây, ngày 22 tháng 03 năm 2017

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 kính trình Đại hội đồng cổ đông về Phương án phát hành tăng vốn điều lệ với các nội dung chi tiết như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi bổ sung Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan;
- Căn cứ Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- Căn cứ Điều lệ và kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2017 của Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Tổng khối lượng phát hành: 1.040.000 cổ phần
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
3. Tổng giá trị theo mệnh giá: 10.400.000.000 đồng
4. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng

5. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách chốt cổ đông để phát hành thêm cổ phiếu.

6. Giá phát hành dự kiến: 24.000 đồng/cổ phiếu.

7. Tỷ lệ phát hành: 22,8% (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách được quyền mua thêm 22,8 cổ phiếu phát hành thêm).

8. Nguyên tắc xác định giá phát hành: Giá chào bán được xác định trên cơ sở so sánh với giá trị sổ sách và giá trị thị trường của cổ phiếu Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1. Giá trị sổ sách mỗi cổ phần của Công ty CP Khí cụ điện 1 theo báo cáo tài chính đã kiểm toán tại 31/12/2016 là 22.049 đồng/cổ phiếu; giá cổ phiếu đang giao dịch khớp lệnh trên thị trường UPCOM tại ngày 09/3/2017 là 24.000 đồng/cổ phiếu, giá giao dịch thỏa thuận là: 24.000 đồng/cổ phiếu.

9. Về mức độ pha loãng dự kiến sau khi chào bán:

Trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần - EPS (earning per share); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần - BV; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.

* *Rủi ro do pha loãng EPS*

Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS_{pha\ loang} = \frac{E}{Qbq}$$

Trong đó:

$EPS_{pha\ loang}$: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt chào bán thành công

E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Qbq: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau chào bán)

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

* *Rủi ro do pha loãng BV*

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau

$$BV = \frac{NVCSH}{Q - CPQ}$$

Trong đó:

NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông

Q: Tổng số cổ phiếu đã chào bán

CPQ: Tổng số cổ phiếu quỹ

BV: Giá trị sổ sách cổ phiếu

** Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:*

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông đang sở hữu)

** Về mức độ pha loãng của cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành*

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm của cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (PR \times I)}{1+I} = 24.000 \text{ VNĐ}$$

Trong đó:

P_{tc}: Giá thị trường cổ phiếu sau khi pha loãng

PR_{t-1}: Giá thị trường của cổ phiếu trước khi pha loãng (giá giao dịch khớp lệnh tại ngày 09/3/2017)

I: Tỷ lệ tăng vốn

PR: Giá cổ phiếu chào bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới

10. Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông chỉ được chuyển nhượng quyền mua 1 lần. Trường hợp cổ đông từ chối quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên thứ 2 nhưng bên thứ 2 không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cổ phiếu cho bên thứ 3.

11. Về tỷ lệ chào bán thành công hoặc số tiền tối thiểu cần thu được trong đợt chào bán: Để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu dự kiến là 70% (tương đương với số tiền thu được tối thiểu là 17.472.000.000 đồng). Vì vậy, trong trường hợp đợt chào bán không thành công hoặc không thu đủ số tiền như dự kiến, HĐQT đã có kế hoạch huy động từ nhiều nguồn khác nhau như vay vốn thương mại, vay vốn tín dụng của Ngân hàng....

12. Nguyên tắc làm tròn: Làm tròn xuống đến hàng đơn vị để xác định số cổ phiếu được quyền mua.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách để thực hiện quyền mua cổ phần mới phát hành thêm, cổ đông A sở hữu 180 cổ phiếu, cổ đông A sẽ được quyền mua $180 * (22,8/100) = 41,04$ cổ phiếu, theo nguyên tắc làm tròn xuống, số cổ phần mà cổ đông A được quyền mua là 41 cổ phiếu.

13. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết: Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu không chào bán hết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đối tượng mua phù hợp với giá không thấp hơn giá bán cho các cổ đông hiện hữu. Số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết phân phối cho các đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm.

Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn từ việc phân phối cho các cổ đông không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư 162/2015/TT-BTC.

Cổ phiếu phân phối lại cho các đối tượng khác do cổ đông từ chối quyền mua bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

14. Thời gian dự kiến phát hành: ngay sau khi có chấp thuận của UBCKNN. Dự kiến quý III /2017.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Số tiền thu được từ dự kiến là 24.960.000.000 đồng dự kiến sẽ dùng để đầu tư máy móc thiết bị, phục vụ cho dây chuyền sản xuất và đầu tư xây dựng cơ bản như sau:

TT	Mục đích	Số tiền dự kiến (đồng)
1	Đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	5.000.000.000
	- Máy ép đứng 200 tấn: 3 cái - Máy tán đầu đình tán: 03 cái - Máy in nhãn sản phẩm (in laze): 01 cái - Máy xung tạo lỗ nhỏ (xò dây) & xung chữ: 01 cái - Đầu tư 02 xe tải mới, tải trọng 3,5 tấn và 1,9 tấn - Máy cuộn lò xo CNC (cỡ nhỏ): 01 cái - Máy đóng gói vít cho sản phẩm: 01 cái	
2	Khuôn gá cho sản phẩm mới GELEX 2	8.500.000.000
3	Đầu tư XDCB:	7.500.000.000
	- Đầu tư xây dựng nhà xưởng 1800m ²	
	- Đầu tư, nâng cấp 3 nhà vệ sinh công nhân	
	- Đầu tư, nâng cấp 1 nhà để xe CBCNV	
4	Bổ sung vốn lưu động	3.960.000.000
	Tổng cộng	24.960.000.000

IV. ĐỀ NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

1. Triển khai các phương án phát hành, lựa chọn thời điểm đợt phát hành và thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành với UBCKNN.
2. Điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của Công ty tại thời điểm chào bán và thời điểm giải ngân vốn thu được từ đợt chào bán, báo cáo đại hội cổ đông gần nhất.
3. Lựa chọn đối tượng mua số lượng cổ phiếu lẻ do làm tròn hoặc cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết trong đợt chào bán chứng khoán với giá mua không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.
4. Sau khi hoàn thành toàn bộ các công việc phát hành, ủy quyền cho HĐQT Công ty sẽ thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và thay đổi đăng ký kinh doanh liên quan đến việc thay đổi mức vốn điều lệ sau khi hoàn tất đợt phát hành.
5. Ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích sử dụng vốn và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.
6. Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan đến trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ này, đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch Upcom bổ sung với số lượng cổ phiếu phát hành thêm.
7. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT hiệu chỉnh và thông qua toàn bộ các tài liệu, nội dung liên quan đến phương án tăng vốn điều lệ trên, phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; và triển khai thực hiện các thủ tục phát hành theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phùng Đức

CÔNG TY CP KHÍ CỤ ĐIỆN 1

Số: 58 /TTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Tây, ngày 22 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê chuẩn quyết định bổ nhiệm bổ sung
thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014 - 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Khí cụ điện 1

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Khí cụ điện 1 được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 02/3/2016,

Hội đồng quản trị Công ty CP Khí cụ điện 1 kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) phê chuẩn quyết định bổ nhiệm bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014 - 2019 như sau:

Ngày 10/3/2017, ông Hoàng Anh Dũng - thành viên Hội đồng quản trị có đơn xin thôi làm thành viên Hội đồng quản trị. Để đảm bảo sự hoạt động ổn định, hiệu quả của Hội đồng quản trị và phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, ngày 16/3/2017, Hội đồng quản trị Công ty CP Khí cụ điện 1 đã quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Đình Hùng làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014 - 2019, thay thế ông Hoàng Anh Dũng.

Hội đồng quản trị Công ty CP Khí cụ điện 1 kính trình ĐHCĐ phê chuẩn quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Đình Hùng làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014 - 2019 của Công ty CP Khí cụ điện 1, thay thế ông Hoàng Anh Dũng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

